

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lành

Bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T; cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Kawn, Youn - C; cư trú tại: Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày như sau: Chị và anh Kawn, Youn - C kết hôn vào năm 2004, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn chị sang Hàn Quốc chung sống cùng anh Kawn, Youn - C. Trong quá trình chung sống chồng không đối xử tốt với chị. Anh Kawn, Youn - C và chị nhiều lần cãi nhau. Năm 2009 chị bỏ về Việt Nam, gia đình chị khuyên ngăn và anh Kawn, Youn - C năn nỉ nên chị trở lại Hàn Quốc tiếp tục chung sống với anh Kawn, Youn - C. Tuy nhiên, anh Kawn, Youn - C tính tình ngày càng khó khăn, chị đề nghị ly hôn nhưng anh Kawn, Youn - C không đồng ý. Ngày 24/7/2017, chị trốn về Việt Nam. Anh Kawn, Youn - C yêu cầu chị về chung sống nhưng chị không đồng ý. Sau đó, anh Kawn, Youn - C có nhắn tin cho chị với nội dung anh đã có

gia đình và từ đó đến nay hai người người không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kawn, Youn – C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Kawn, Youn - C là bị đơn về việc chị Trần Ngọc T khởi kiện ly hôn với anh. Trong đó, ấn định ngày mở phiên họp hòa giải, ngày mở phiên tòa nhưng Cục quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc trả lời không thực hiện được ủy thác tư pháp cho anh Kawn , Youn - C là bị đơn do địa chỉ không chính xác. Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ chính xác của bị đơn nhưng nguyên đơn cũng không thể cung cấp được và nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên kênh dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thông báo yêu cầu anh Kawn, Youn – C tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn không có kết quả. Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh Kawn, Youn – C.

[2] Chị Trần Ngọc T và anh Kawn, Youn – C kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc T là công dân Việt Nam với anh Kawn, Youn – C quốc tịch Hàn Quốc là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại Điểm d Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Trần Ngọc T và anh Kawn, Youn – C kết hôn do mai mối, thời gian tìm hiểu nhau chưa kỹ. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn theo chị Trần Ngọc T trình bày do chồng đối xử không tốt với chị, anh Kawn, Youn – C khó tính. Ngày 24/7/2017, chị T trở về Việt Nam sống cho đến nay. Chị và anh Kawn, Youn – C lúc đầu có liên lạc với nhau nhưng sau đó không còn liên lạc nữa. Xét thấy, chị Trần Ngọc T và anh Kawn, Youn – C ở hai quốc gia khác nhau, không còn liên lạc với nhau, không còn chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Vì vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Ngọc T và anh Kawn, Youn – C trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị Trần Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Kawn, Youn – C là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Trần Ngọc T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Ngọc T. Cho chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Kawn, Youn – C.

2. Án phí: Chị Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 1328 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Chị Trần Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Kawn, Youn – C được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- STPTVL: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn